Ngày soạn: ............................................

Ngày dạy:..............................................................................................

**TIẾT 33- BÀI 19. THUỶ QUYỂNVÀ VÒNG TUẦN HOÀN LỚN CỦA NƯỚC**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.

• Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.

• Có ỷ thức sử dụng hợp li và bảo vệ tài nguyên nước

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học, hiểu biết của mình trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Tình huống:**  HS1: Nước có ở sông, hồ,ao biển  HS2” Cậu nói đúng nhưng vẫn còn thiếu  GV: Theo em nước còn có ở nơi nào nữa  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Thuỷ quyền**  **a. Mục đích:** HS hiểu khái niệm thuỷ quyển, các thành phần cảu thuỷ quyền  **b. Nội dung:** Thuỷ quyền  **c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và câu trả lời của HS  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV:  Quan sát hình 1 và đọc thông tin trong mục 1, em hãy:  - Nêu khái niệm thuỷ quyển  - Kề tên các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Cho biết nước ngọt tòn tại dưới những dạng nào. Nêu tỉ lệ của từng dạng.  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **l.Thuỷ quyền**  - KN: Thuỷ quyển là toàn bộ lớp nước bao quanh Trái Đất, nầm trên bề mặt và bên trong của vỏ Trái Đất;  - Gồm nước ở các đại dương, biển, sông, hồ, đầm lầy, nước dưới đất (nước ngầm), tuyết, băng và hơi nước trong khí quyền | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Vòng tuần hoàn lớn của nước**  **a. Mục đích:** HS biết được các bước trong vòng tuần hoàn lớn của nước  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Vòng tuần hoàn lớn của nước  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS Quan sát sơ đồ hình 2 và kết hợp với hiểu biết của em, hãy:   * Cho biết nước mưa rơi xuống bề mặt đất sẽ tồn tại ở những đâu.   Mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2.Vòng tuần hoàn lớn của nước** | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Nguồn nước ngọt ở Việt Nam đang suy giảm về số lượng và bị ô nhiễm nghiêm trọng. Em hãy tìm hiểu và cho biết, tình trạng đó dẫn đến những hậu quả gì  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**KÝ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**Ngày tháng năm 2024**

**TTCM**

**Nguyễn Duy Tuyến**

Ngày soạn: .............................................

Ngày dạy: ........................................................................................................

**TIẾT- 34,35- BÀI 20. SÔNG VÀ HỒ.**

**NƯỚC NGẦM VÀ BÀNG HÀ**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.

• Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.

• Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

• Có ý thúc sử dụng hợp li và bảo vệ nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà là nguồn nước ngọt chính trên Trái Đất. Các nguồn nước; này có vai trò như thế nào đối với tự nhiên và đời sổng con người? Làm thế nào để sử dụng chúng đạt hiệu quá cao?  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Sông, hồ**  **a. Mục đích:** HS biết được khái niêm, cấu tạo, vai trò cảu nước của sông và hồ  b. Nội dung: Sông, hồ  **c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và sản phẩm của HS  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **a/ Sông**  ? Sông là gì?  ? Những nguồn cung cấp nước cho dòng sông  GV: Cho HS quan sát bảng số liệu ( 71SGK)   |  |  | | --- | --- | | Nguồn cung cấp |  | | Diện tích |  | | Sông chính |  | | phụ lưu |  | |  |  |   GV: Em hây nêu mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cung cấp nước sông  ? Sông chính cùng phụ lưu, chi lưu hợp lại gọi là gì?  **b/ Sứ dụng tồng hợp nước sông, hồ**  1/ Em hãy cho biết nước sông, hồ có vai trò như thề nào đối với đời sống và sản xuất..  2. Đọc thông tin trong mục b, quan sát hình 2 và dựa vào hiểu biết của em, hãy cho biết việc sử dụng tồng hợp nước sông, hồ có thề mang lại những lợi ích gì. Nêu ví dụ  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Sông, hồ**  **a/ Sông.**  - Sông là dòng chảy thường xuyên của nước, tương đối ổn định trên bề mặt lục đia .  - Nguồn cung cấp cho sông: Nước mưa, nước ngầm, băng tuyết tan.  - Diện tích đất đá cung cấp nước thường xuyên cho sông gọi là lưu vực sông .  - Sông chính cùng phụ lưu, chi lưu hợp lại gọi là hệ thống sông.  **b/ Sứ dụng tồng hợp nước sông, hồ** .  Nước sông, hồ được con người sử dụng vào nhiều mục đích: giao thông, du lịch, nước cho sinh hoạt, tưới tiêu, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, làm thuỷ điện. | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Nước ngầm (nước dưới đất)**  **a. Mục đích:** HS biết được các yếu tố tạo nên lượng nước ngầm. và giá trị của nguồn nước ngầm.  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Nước ngầm (nước dưới đất)  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV Dựa vào hình 3, em hãy cho biết nước ngẩm được hình thành như thế nào.  2. Nước ngầm chủ yếu được sử dụng vào mục đích gì?  3. Nêu một số biện pháp sử dụng hợp lí và bảo vệ nước ngầm  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Nước ngầm (nước dưới đất)**  - các yếu tố tạo nên lượng nước ngầm :Lượng nước ngầm nhiều hay ít, mực nước ngầm nông hay sâu phụ thuộc vào địa hình, nguồn cung cấp nước và lượng bốc hơi,...  -Vai trò: nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước tưới quan trọng trên thế giới. Nước ngẩm góp phần ổn định dòng chảy của sông ngòi; đồng thời, cố định các lớp đất đá bên trên, ngăn chặn sự sụt lún | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.3: Băng hà (sông băng)**  **a. Mục đích:** HS biết được vai trò của băng hà đối với tự nhiên và đời sống con người  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Băng hà (sông băng)  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS đọc thông tin SGK và cho biết  Vai trò của băng hà đối với tự nhiên và đời sống con người  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Băng hà (sông băng)**  Băng hà góp phần điều hoà nhiệt độ trên Trái Đất, cung cấp nước cho các dòng sông | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS hoàn thành các yêu cầu sau.  1/ Thu thập thông tin và cho biết trong các sông: sông Đà, sông Luộc, sông Đuống, sông Lô, sông nào là phụ lưu, sông nào là chi lưu của sông Hồng.  2/ Việc khai thác nước ngầm vượt quá giới hạn cho phép sẽ gây ra hậu quả như thế nào?HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

Ký duyệt

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 36,37- BÀI 21. BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.

• Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.

• Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Nước mặn chiếm 97,5% khối nước trên Trái Đất, gần như toàn bộ nằm trong các biển và đại duơng. Nước trong các biển và đại duơng có nhiệt độ và độ muồi khác nhau theo và độ và luôn vận động  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Đại dương thế giới**  **a. Mục đích: kể tên được các đại dương trên thế giới**  **b. Nội dung: Đại dương thế giới**  **c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS đọc thông tin SGK và quan sát H1 cho biết  Xác định vị trí các đại dương trên hình 1. Cho biết mỗi đại dương tiếp giáp với các châu lục nào  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Đại dương thế giới**   * Đại dương thế giới là lớp nước liên tục, bao phủ hơn 70% diện tích bề mặt Trái Đất. * Bao gồm: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ản Độ Dương và Bắc Băng Dương | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Độ muối, nhiệt độ cùa nước biển**  **a. Mục đích:** HS biết được độ mặn TB của nước biển; nhiệt độ trung bình của nước biển  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Độ muối, nhiệt độ cùa nước biển  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV : Dựa vào thông tin trong mục 2, em hây nhận xét sự thay đồi của độ muối và nhiệt độ giữa vùng biển nhiệt đới với vùng biển ôn đới  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Độ muối, nhiệt độ cùa nước biển**.   * Nước ở biền và đại dương có vị mặn. Độ muối trung bình của nước đại dương là 35%O. * Nhiệt độ trung bình bề mặt toàn bộ đại dương thế giới là khoảng 17°c | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.3: 3. Một số dạng vận động của nước biền và đại dương**  **a. Mục đích:** HS biết được các hình thức vận động và đặc điểm của từng vận động đó.  **b. Nội dung:** Tìm hiểu 3. Một số dạng vận động của nước biền và đại dương  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV   |  |  | | --- | --- | | Tên các hình thức vận động | Đăc điểm | |  |  | |  |  | |  |  |   HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Một số dạng vận động của nước biền và đại dương**  **a. Sóng biển :**  - Sóng là sự chuyển động tại chỗ của các lớp nước trên mặt  - Gió là nguyên nhân chính tạo ra sóng. Gió càng mạnh thì sóng càng lớn  **b. Thuỷ triều:**  - Thủy triều là hiện tượng nước biển dâng lên, hạ xuống trong một thời gian nhất định (trong ngày).  **c/ Dòng biển.**   * Dòng biển là các dòng nước chảy trong biền và đại dương * Có hai loại dòng biền: dòng biển nóng và dòng biển lạnh | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS Chọn một trong hai nhiệm vụ sau:  1/ Sưu tầm thông tin về việc con người khai thác năng lượng từ sóng và thuỷ triều.  2/ Hãy sưu tầm tư liệu về ảnh hưởng của dòng biển nóng và dòng biển lạnh đối với các vùng ven bờ nơi chúng chảy qua.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**Ký duyệt**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 38: ÔN TẬP GIỮA KÌ II**  
*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I. MỤC TIÊU  
1. Về kiến thức**  
- Nhằm hệ thống hóa lại kiến thức cơ bản theo chủ đề khí hậu và biến đổi khí hậu, nước trên Trái Đất.  
**2. Về năng lực**  
- Năng lực chung: Giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác, tự chủ và sáng tạo.  
- Năng lực riêng (đặc thù):  
+ Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.  
+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học  
**3. Về phẩm chất**  
- Yêu thích bộ môn và giáo dục ý thức tự học cho HS.  
**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU  
1. Giáo viên**  
- Phiếu học tập, hệ thống câu hỏi, bài tập.  
- Thiết bị, học liệu liên quan.  
**2. Học sinh  
-**Sách giáo khoa, vở ghi.  
**III. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

|  |
| --- |
| **Hoạt động 1. Khởi động**(5p)​  **a. Mục tiêu:** - Tạo hứng thú cho HS vào bài và định hướng nội dung ôn tập. **b. Nội dung:**Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi. **c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS **d. Tổ chức thực hiện: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập** - Cho biết nội dung đã học từ bài 16 đến bài 21 **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập** GV Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận** GV gọi HS bất kỳ trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, dẫn vào bài:**Ôn tập về nội  dung  các bài từ 16 đến 25. |
| **2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**(không) **3. Hoạt động 3. Luyện tập - Hệ thống hóa kiến thức lý thuyết**(30p)​  **a. Mục tiêu:** - Ôn tập lại toàn bộ kiến thức chương 4, chương 5. - Rèn kỹ năng sơ đồ hóa kiến thức **b. Nội dung:**Học sinh dựa vào kiến thức đã học hoàn thành nội dung các câu hỏi. **c. Sản phẩm:**sản phẩm phiếu học tập của HS **d. Tổ chức thực hiện: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập** Dựa vào các kiến thức đã học về chương 4 và 5 hãy: Nhóm 1, 3, 5: - Thời tiết và khí hậu khác nhau như thế nào? - Lập bảng kiến thức về các đới khí hậu trên Trái đất theo mẫu:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tên đới**​ | **Đới nóng (Nhiệt đới** | **Đới ôn hòa (Ôn đới)**​ | **Đới lạnh (Hàn đới)**​ | | Góc chiếu sáng mặt trời |  |  |  | | Đặc điểm khí hậu​  Nhiệt độ |  |  |  | | Gió |  |  |  | | Lượng mưa |  |  |  |   Nhóm 2, 4, 6: 1. Em hãy định nghĩa về sông? Thế nào là hệ thống sông? 2. Khái niệm hồ, phân loại hồ? 3. Những lợi ích và tác hại của sông, hồ. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** \*HS Th/h nhiệm vụ theo kĩ thuật mảnh ghép trong T/g 7-10p ở vòng 1, vòng 2 trong  5-7p - Vòng 1: Các nhóm (chẵn, lẻ) thảo luận nội dung câu hỏi ghi ra phiếu HT (hoặc giấy HS  chuẩn bị)  - Vòng 2: Ghép nhóm N1-2, N3-4, N5-6 để tạo thành nhóm mới, trao đổi lại toàn bộ  nội dung thông tin trong vòng 1 cho các thành viên trong nhóm mới. \*GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần) **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và thảo luận**: **-**GV Yêu cầu đại diện của một số nhóm lên trình bày sản phẩm. **-**HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). **Bước 4.** **Đánh giá kết quả t/hiện nhiệm vụ:** GV NX, đánh giá kết quả hoạt động của HS. Chuẩn kiến thức, bổ sung (nếu cần) *SP Nhóm 1, 3, 5:* **Thời tiết và khí hậu** - Thời tiết là sự biểu hiện các hiện tượng khí tượng ở một địa phương trong một thời  gian nhất định. - Khí hậu là sự lặp đi lặp lại của tình hình thời tiết ở một địa phương trong một thời gian  dài và trở thành quy luật. **CÁC ĐỚI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tên đới**​ | **Đới nóng (Nhiệt đới** | **Đới ôn hòa (Ôn đới)**​ | **Đới lạnh (Hàn đới)**​ | | Góc chiếu sáng mặt trời | Lớn, chênh lệch nhau ít | Trung bình, chênh lệch nhau nhiều | Rất nhỏ | | Đặc điểm khí hậu​  Nhiệt độ | Cao quanh năm | Trung bình | Thấp | | Gió | Tín phong | Tây ôn đới | Đông cực | | Lượng mưa | 1000mm – 2000mm | 500mm- 1000mm | Dưới 500mm |   *SP Nhóm 2, 4, 6:* **1. Các khái niệm:** - Sông: Là dòng chảy thường xuyên tương đối lớn trên bề mặt lục địa và đảo. => Nguồn cung cấp nước cho sông là nước mưa, nước ngầm, nước do băng tuyết tan.  - Lưu vực sông: là toàn bộ diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông.  - Hệ thống sông: Bao gồm dòng sông chính, các phụ lưu và các chi lưu - Phụ lưu: là nhánh sông phụ đổ nước vào sông chính - Chi lưu: là con sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính. - Hồ: Là vùng trũng chứa nước trên bề mặt Trái Đất, không thông với biển. **2. Lợi ích và tác hại của sông:** \*Lợi ích: - Cung cấp nước cho các hoạt động sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp) và đời sống  của nhân dân. - Bồi đắp phù sa cho các đồng bằng - Là tuyến đường giao thông - Là nơi đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản - Tạo cảnh quan đẹp để phát triển du lịch \*Tác hại: Về mùa lũ, nước sông dâng cao, chảy mạnh gây lụt lội, cuốn trôi tài sản và tính  mạng của người dân quanh vùng. **3. Phân loại hồ:** - Dựa vào tính chất của nước chia thành 2 loại: Hồ nước mặn và hồ nước ngọt. - Dựa vào nguồn gốc hình thành chia thành hồ tự nhiên và hồ nhân tạo. |
| **4. Hoạt động 4. Vận dụng**(10p)​  **a. Mục tiêu** - Vận dụng kiến thức đã học về cách tính nhiệt độ trung bình ngày, tháng, năm, lượng mưa  …áp dụng làm bài tập cụ thể. - Rèn kỹ năng tính toán, xử lí số liệu. **b. Nội dung:**HS vận dụng kiến thức đã học, đã ôn tập áp dụng làm bài tập. **c. Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập **d. Tổ chức thực hiện: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Bài tập 1.** Tính nhiệt độ TB ngày của Ninh Bình qua số liệu sau: Nhiệt độ đo lúc 5 giờ  là 180C, lúc 13 giờ là 290C, lúc 21 giờ là 18,50 C. **Bài tập 2.**Căn cứ vào bảng số liệu: Nhiệt độ (oC) - Hà Nội.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | | Hà Nội | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |   a. Tính nhiệt độ TB năm của Hà Nội? b. Nhận xét: - Nhiệt độ tháng cao nhất là .............., vào tháng ............. - Nhiệt độ tháng thấp nhất là ............, vào tháng ............. **Bài tập 3. Chọn đáp án đúng trong các câu sau: Câu 1. Sông là:** A. dòng nước chảy ở bề mặt đất B. Dòng nước chảy thường xuyên C. Dòng nước chảy thường xuyên và tương đối ổn định trên bề mặt lục địa D. Dòng nước tạm thời **Câu 2. Hệ thống sông được tạo nên do:** A. Dòng sông chính B. Dòng sông chính và các phụ lưu C. Dòng sông chính cùng các phụ lưu, các chi lưu hợp lại D. Dòng sông chính cùng các chi lưu **Câu 3. Chế độ nước sông sẽ phức tạp nếu sông có nguồn cung cấp nước là:** A. Nước mưa B. Băng tuyết tan C. Nước ngầm và nước mưa D. Nhiều nguồn cung cấp nước **Câu 4. Lưu vực của một con sông là:** A. Vùng đất sông chảy qua B. Vùng đất nơi sông bắt nguồn C. Vùng đất nơi sông đổ vào D. Vùng đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông **Câu 5. Hồ là:** A. Những khoảng nước tương đối rộng và sâu trong đất liền B. Là vùng trũng chứa nước trên bề mặt Trái Đất, không thông với biển C. Những khoảng nước nhỏ và nông trên đất liền D. Những khoảng nước nông trên đất liền. **Câu 6. Hồ Tây ở Hà Nội là:** A. Di tích còn sót lại của khúc uốn cũ của sông B. Hồ hình thành ở miệng núi lửa C. Hồ nhân tạo D. Hồ băng hà. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập -**HS th/h NV theo căp/bàn theo phiếu học tập - GV quan sát, trợ giúp nếu cần. **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận** GV yêu cầu HS bất kì trả lời, HS khác nhận xét bổ sung. **Bài 1.**Nhiệt độ TB ngày ở NB là: 21,80C **Bài 2.** a. Nhiệt độ TB năm của Hà Nội: 23,50C b. Nhận xét: - Nhiệt độ tháng cao nhất là 28,90C, vào tháng 7 - Nhiệt độ tháng thấp nhất là 16,40C, vào tháng 1. **Bài 3.**Câu 1. C, câu 2. C, Câu 3. D, câu 4.D, câu 5. B, câu 6. A **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập,**NX, ĐG, chốt KT, HDVN  hoàn thiện nội dung các câu hỏi, ôn kĩ bài để tiết sau kiểm tra. |

**Ký duyệt**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 39,40- BÀI 22. LỚP ĐẤT TRÊN TRÁI ĐẤT**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Nêu được các tầng đất và các thành phần chinh của đất.

• Trình bày được một số nhàn tố hình thành đất.

• Kể được tén và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điền hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đói.

• Có ỷ thức sử dụng họp lí và bảo vệ đất.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Đất là một trong các thành phần tự nhiên của Trái Đất. Sự sống trên Trái Đất đuọc bao bọc, nuôi dưỡng và phát triển nhờ đất. Em có biết: Đất gồm những thành phần nào? Đất dược hình thành như thế nào? Trên Trái Đất có bao nhiêu nhóm đất điển hình?  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Các tầng đất**  **a. Mục đích:** kể tên được các tầng của đất và vai trò cảu tầng chứa mùn**.**  **b. Nội dung:** Các tầng đất  **c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và sản phẩm của HS  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: 1. Quan sát hình 1, em hãy kể tên các tầng đất    2. Trong các tầng đất, tầng nào trực tiếp tác động đến sự sinh trưởng và phát triển của thực vật  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Các tầng đất**  -Gồm 3 tầng: Tầng đá mẹ, tầng tích tụ và tầng chứa mùn.  - Trong đó tầng tích tụ có tác động mạnh mẽ đến sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Thành phần của đất**  **a. Mục đích:** HS biết được các thành phần trong đất và tỉ lệ các thành phần đó.  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Thành phần của đất  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  1. Quan sát hình 2, cho biết đất bao gồm những thành phần nào. Thành phần nào chiếm tỉ lệ lớn nhất trong đất?  2. Tại sao chất hữu cơ chiếm tỉ lệ rật nhỏ trong đất nhưng lại có ý nghĩa quan trọng đối với cây trồng?  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Thành phần của đất**  Đất bao gồm nhiều thành phần: khoáng, chất hữu cơ, không khi và nước.    Tỉ lệ các thành phần trong đất thay đồi tuỳ thuộc vào điều kiện hình thành đất ở từng nơi. | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.3: Các nhân tố hình thành đất**  **a. Mục đích:** HS biết được các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất như đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình và thời gian  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Các nhân tố hình thành đất  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV  1/ Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất.  2/ Dựa vào hình ảnh và thông tin trong mục 3, em hãy trình bày nhân tố hình thành đất mà em cho là quan trọng nhất và giải thích cho sự lựa chọn đó.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Các nhân tố hình thành đất**   * Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất như đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình và thời gian. * Trong đó nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất là đá mẹ. | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.4: Một số nhóm đất điền hình trên Trái Đất**  **a. Mục đích:** HS kể tên được 1 số loại đất có diện tích lớn trên thê giới  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Một số nhóm đất điền hình trên Trái Đất  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV  1/ Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất.  2/ Dựa vào hình ảnh và thông tin trong mục 3, em hãy trình bày nhân tố hình thành đất mà em cho là quan trọng nhất và giải thích cho sự lựa chọn đó.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **4/ Một số nhóm đất điền hình trên Trái Đất**  -Dựa vào quá trình hình thành và tinh chất đất.  -Đất đen thảo nguyên ôn đới, đất pốt dôn vả đất đỏ vàng nhiệt đới là một số nhóm đất điền hình. | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS hoàn thành các nội dung sau.  1.Dựa vào bản đồ hình 5, cho biết tên nhóm đất phổ biển ở nước ta.  2.Tại sao đề bảo vệ đất, chúng ta phải phủ xanh đất trống, đồi núi trọc?  3.Con người có tác động như thế nào đến sự biển đồi đất?  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

Ký duyệt

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 41 - KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

HS củng cố được các kiến thứ sau:

- Phần Địa lý: Khí hậu và biến đổi khí hậu; Nước trên trái đất.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

***- Môn Địa lý***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức được nguyên nhân gây ra hiện tượng biến đổi khí hậu,....

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa để phục vụ cho bài học

+ Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn

**3. Về phẩm chất:** ý

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về Trái Đất.

- Ý thức phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

**II. Hình thức kiểm tra**

Trắc nghiệm và tự luận

**III. Kiểm tra**

**1. Thiết lập ma trận.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | |
|  | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| *Địa lý* | **Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X** | Biết tên một số anh hùng dân tộc thời kì này |  | Phân tích được nguyên nhân các cuộc KN |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | 1  0,25  2,5 |  | 1  0,25  2,5 |  |  |  |
| **Khí hậu và biến đổi khí hậu** | Trình bày được đặc điểm của nhiệt độ của không khí và các đới khí hậu, sông, hồ. |  | Giải thích được nguyên nhân sinh ra dòng biển, phân tích được tác động của biến đổi khí hậu  Nhận xét được sự thay đổi của nhiệt độ không khí  Phân biệt thời tiết và khí hậu | Phân biệt được các dạng vận động của biển và đại dương | Vận dụng tính nhiệt độ TB ngày | Biện pháp ứng phó khi thiên tai xảy ra |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | 3  0,75  7,5 |  | 4  1  10 | 1  2  20 | 1  0,25  2,5 | 1  1  10 |
| TS câu  TS điểm  *Tỷ lệ %* | 6  1,5  15 | 1  3  30 | 8  2  20 | 1  2  20 | 2  0,5  5 | 1  1  10 |
| Số điểm  *Tỉ lệ* % | **4,5**  **45** | **4**  **40** | **1,5**  **15** |  |  |  |

**2. Đề kiểm tra**

**I. Trắc nghiệm (2đ)**

**Câu 1: Không khí trên mặt đất nóng nhất là vào**

A. 11 giờ trưa. B. 14 giờ trưa. C. 12 giờ trưa. D. 13 giờ trưa.

**Câu 2: Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu đới nóng?**

A.Quanh năm nóng.

B.Có góc chiếu của ánh sáng mặt trời rất nhỏ.

C.Lượng mưa trung bình năm từ 1.000 mm đến trên 2.000 mm.

D.Có gió Tín phong thổi thường xuyên.

**Câu 3. Ngày 15/4/2021, người ta đo được nhiệt độ lúc 1 giờ được 200C, lúc 7 giờ được 230C, lúc 13 giờ được 280C và lúc 19 giờ được 250C. Vậy nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó là bao nhiêu?**

A. 240C. B. 230C. C. 250C. D. 220C.

**Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu sinh ra các dòng biển là do**

A. tác động của các loại gió thổi thường xuyên ở vùng vĩ độ thấp, trung bình.

B. sư chuyển động tự quay của Trái Đất và hướng chuyển động của Trái Đất.

C. sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng ngày càng lớn dần vào đầu, cuối tháng.

D. sự khác biệt về nhiệt độ và tỉ trọng của các lớp nước trong biển, đại dương.

**Câu 5. Lưu vực của một con sông là**

A. vùng đất đai đầu nguồn của các con sông nhỏ.

B. diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên.

C. chiều dài từ thượng nguồn đến các cửa sông.

D. vùng hạ lưu của con sông và bồi tụ đồng bằng.

**Câu 6. Nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất thay đổi *theo vĩ độ* như thế nào ?**

A.Càng về phí 2 cực, nhiệt độ không khí càng tăng

B. Càng về phía 2 cực, nhiệt độ không khí càng giảm

C. Không khí ở mọi nơi trên Trái Đất đều như nhau

D. Nhiệt độ không khí không thay đổi

**Câu 7. Khí hậu là gì?**

A. Khí hậu ở một nơi là tổng hợp các yếu tố thời tiết (nhiệt độ, độ ẩm,...) của nơi đó trong một thời gian ngắn

B. Khí hậu ở một nơi là tổng hợp các yếu tố thời tiết (nhiệt độ, độ ẩm,...) của nơi đó trong một thời gian dài

C. Khí hậu ở một nơi là tổng hợp các yếu tố thời tiết (nhiệt độ, độ ẩm,...) của nơi đó trong một thời gian dài, đã trở thành quy luật

D. Khí hậu là trạng thái của khí quyển tại một thời điểm, khu vực cụ thể...Khí hậu luôn thay đổi

**Câu 8. Những biểu hiện của biến đổi khí hậu là gì?**

A. Sự nóng lên của Trái Đất, nước biển dâng, sự gia tăng các cơn bão

B. Sự nóng lên của Trái Đất, nước biển dâng, sự gia tăng của sóng thần

C. Sự nóng lên của Trái Đất, nước biển dâng, sự gia tăng của các hiện tượng khí tượng cực đoan

D. Sự nóng lên của Trái Đất, nước biển dâng, sự gia tăng của núi lửa, động đất.

**II. Tự luận (3đ)**

**Câu 2.** Em hã phân biệt 3 dạng vận động của nước biển và đại dương: Sóng, thủy triều và dòng biển? (2đ)

**Câu 3.** Những dấu hiệu nào cảnh báo sắp có sóng thần xảy ra? Em sẽ làm gì khi gặp tình huống đó? (1đ)

**3. Đáp án và hướng dẫn chấm**

**I. Trắc nghiệm (4đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **D** | **B** | **A** | **A** | **B** | **B** | **C** | **C** |

**II. Tự luận (6đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **2đ** | a. Sóng biển :  - Sóng là sự chuyển động tại chỗ của các lớp nước trên mặt biển và đại dương  - Nguyên nhân: Chủ yếu do gió. Gió càng mạnh thì sóng càng lớn. Động đất hay núi lửa ngầm có thể sinh ra sóng thần  b. Thuỷ triều:  - Thủy triều là hiện tượng nước biển dâng lên, hạ xuống theo quy luật hàng ngày  - Nguyên nhân: Do sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời và lực li tâm của Trái Đất  c/ Dòng biển.  - Dòng biển là các dòng nước chảy trong biền và đại dương (giống như các dòng sông trên lục địa  - Có hai loại dòng biển: dòng biển nóng và dòng biển lạnh. | **0,5**  **0,25**  **0,5**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **Câu 2**  **1đ** | **-** Dấu hiệu sắp xảy ra sóng thần  + Chim chóc hoảng loạn, nước biển nổi bong bóng  + Mực nước biển hạ nhanh đột ngột  - Biện pháp ứng phó:  + Loan báo có nguy cơ sóng thần cho những người khác  + Nhanh chóng di chuyển xa bờ biển hoặc những chỗ cao xa bờ | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
|  |  |  |

**4. Thu bài**

Gv thu bài và nhắc nhở thái độ làm bài của HS

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 42-BÀI 23. SỰ SỐNG TRÊN TRÁI ĐÂT**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Nêu dược vi dụ vể sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và đại dương.

• Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Các cơ thể sổng tồn tại và phát triển ở các môi truờng khác nhau đã tạo nén sự khác biệt, tính đa dạng của sinh vật trên Trái Đất. Vậy sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất biểu hiện như thế nào?  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Sự đa dạng của sinh vật dưới đại dương**  **a. Mục đích: Giúp HS thấy được sự đa dạng của sinh vật dưới đáy đại dương**  **b. Nội dung: Sự đa dạng của sinh vật dưới đại dương**  **c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát hình 1, em hãy kề tên một số loài sinh vật ở các vùng biền trong đại dương.  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Sự đa dạng của sinh vật dưới đại dương**  Sinh vật dưới đáy đại dương rất đa dạng về số lượng và thành phần loài. | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2:Sự đa dạng của sinh vật trên lục địa**  **a. Mục đích:** HS biết được sự đa dạng của sinh vật trên lục địa.  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Sự đa dạng của sinh vật trên lục địa  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS Đọc thông tin và các hình ảnh trong mục 2, em hãy:  1. Kề tên một số loài thực vật, động vật ở các đối mà em biết.  2. Nêu sự khác nhau về thực vật giữa rừng mưa nhiệt đới với rừng lá kim và đài nguyên.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Sự đa dạng của sinh vật trên lục địa.**  **a) Thực vật**  - Phong phú, đa dạng, có sự khác biệt rõ rệt giữa các đới khí hậu  **b) Động vật**  Động vật chịu ảnh hưởng của khí hậu ít hơn thực vật, do động vật có thể di chuyền từ nơi này đến nơi khác. Giới động vật trên các lục địa cũng hết sức phong phú, đa dạng, có sự khác biệt giữa các đới khí hậu. | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS hoàn thành các nội dung sau.  1- Hãy trình bày sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất.  2. Có nhiều loài sinh vật đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt ' K chủng. Theo em nguyên nhân do đâu? Hãy nêu một số biện pháp đề bảo vệ các loài đó.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

Ký duyệt

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 43-BÀI 24. RỪNG NHIỆT ĐỚI**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Trình bày được đặc điềm cùa rừng nhiệt

• Có ý thức báo vệ rừng

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Trong các thảm thực vật ở đới nóng, rừng nhiệt đới có vai trò hết súc quan trọng đối với môi trường trên Trái Đắt. Rừng nhiệt đới có đặc điểm gì? Cần làm gì để bảo vệ rùng nhiệt đới?  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1:**  **a. Mục đích:** HS nêu được sự phân bố, nhiệt độ, lượng mưa và sự phong phú cảu sinh vật  **b. Nội dung: Đặc điềm rừng nhiệt đới**  **c. Sản phẩm: bài thuyết trình và**  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS thảo luận nhóm và hoàn thành bảng sau.   |  |  | | --- | --- | | Phân bố |  | | Nhiệt độ TB |  | | Lượng mưa TB |  | | Động vật |  | | Thực vật |  |   HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Đặc điểm rừng nhiệt đới**  (Bảng chuẩn kiến thức) | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Bảng chuẩn kiến thức.**   |  |  | | --- | --- | | Phân bố | Từ vùng Xích đạo đến hết vành đai nhiệt đới ở cả bán cầu Bắc và bán cầu Nam | | Nhiệt độ TB | Nhiệt độ trung bình năm trên 21 °C | | Lượng mưa TB | Lượng mưa trung bình năm trên 1 700 mm | | Động vật | Động vật rất phong phú, nhiều loài sống trên cây, leo trèo giỏi như khỉ, vượn,... nhiều loài chim ăn quả có màu sắc sặc sỡ | | Thực vật | Rừng gồm nhiều tầng: trong rừng có nhiều loài cây thân gỗ, dây leo chẳng chịt; phong lan, tầm gửi, địa y bám trên thân cây | |
| **Hoạt động 2.2: Bảo vệ rừng nhiệt đới**  **a. Mục đích:** HS biết được vai trò cảu rừng nhiệt đới đối với sự sống của nhân loại và các giải pháp bảo vệ rừng  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Bảo vệ rừng nhiệt đới  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS thảo luận cặp đôi các nội dung.   * Vai trò của rừng nhiệt đới. * Hiện trạng rừng nhiệt đới. * Các giải pháp bảo vệ rừng   HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Bảo vệ rừng nhiệt đới**  - **Vai trò** của rừng nhiệt đới  hết sức quan trọng đối với việc ồn định khí hậu Trái Đất, đồng thời là nơi bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn dược liệu, thực phẩm vả gỗ  - **Hiện trạng** rừng nhiệt đới  diện tích rừng nhiệt đới đang giảm ở mức báo động, mỗi năm mất đi 130 nghìn km do cháy rừng và các hoạt động của con người  - **Các giải pháp** bảo vệ rừng  mỗi chúng ta cần có hành động cụ thể như sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng một cách tiết kiệm và hợp lí, đồng thời bảo vệ và phát triền rừng. | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS hoàn thành các nội dung sau.  1/ Hãy giải thích vì sao rừng nhiệt đới có nhiều tầng.  2/ Ở Việt Nam, kiều rừng nhiệt đới nào chiếm ưu thế? Em hăy tìm hiểu về kiều rừng đổ.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**Ký duyệt**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 44- BÀI 25. SỰ PHÂN BÔ CÁC ĐỚI**

**THIÊN NHIÊN TRÊN TRÁI ĐÂT**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Nêu được đặc điểm của các đói thiên nhiên trên Trái Đất.

• Xác định dược trên bản đổ sự phàn bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Điều kiện khi hậu ở đới nóng, đới ôn hoà, đới lạnh khác nhau dẫn đến các đặc điểm đất, sinh vật,... củng khác nhau, hình thành nén các đới thiên nhiên. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất khác nhau như thế nào?  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Đới nóng**  **a. Mục đích: HS biết được sự đa dạng về động thực vật ở đới nóng.**  **b. Nội dung: Đới nóng**  **c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Dựa và thông tin SGK, HS nêu đặc điểm về khí hậu và sinh vật ở đới nóng.  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Đới nóng**   * Là nơi có nhiệt độ cao. * Giới thực, động vật hết sức đa dạng, phong phú. Như rừng Xavan, linh dương, ngựa vằn … | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Đới ôn hoà**  **a. Mục đích:** HS biết được đặc điểm khí hậu và sinh vật đới ôn hoà  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Đới ôn hoà  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Hs quan sát H1 và thông tin SGK cho biết:  1/ Đặc điểm khí hậu đới ôn hoà.  2/ Đặc điểm sinh vật nổi bật  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Đới ôn hoà**   * Khí hậu mang tính trung gian giữa đới nóng và đới lạnh * Cảnh quan thay đồi theo vĩ độ và ảnh hưởng của dòng biển nóng cùng gió Tây ôn đới. * Thực vật chù yểu là cây lá kim: thông, linh sam, vân sam, tuyết tùng,... Động vật chù yếu là sóc, nhím, gấu nâu, chó sói, hổ Tai-ga | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.3: Đới lạnh**  **a. Mục đích:** HS biết được sự khắc nghiệt của khí hậu và sự nghèo nàn của thực vật  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Đới lạnh  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV Hs quan sát H1 và thông tin SGK cho biết:  1/ Đặc điểm khí hậu đới lạnh.  2/ Đặc điểm sinh vật nổi bật  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Đới lạnh**   * Khí hậu vô cùng khắc nghiệt, băng tuyết quanh năm. * Thực vật thấp lùn, chủ yếu là rêu, địa y và các loại cây thân thảo tồn tại trong mùa hạ ngắn ngủi, tạo nên cảnh quan đài nguyên. * Động vật là các loài thích nghi được với khí hậu lạnh như gấu trắng, chim cánh cụt,... | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Tìm và xác định vị trí của nước ta trên hình 2. Từ đó, nêu một số đặc điềm của thiên nhiên Việt Nam  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**Ký duyệt**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 45-BÀI 26. THỰC HÀNH:**

**TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN ĐỊA PHƯƠNG**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.

• Yéu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ thiên nhiên

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Nêu hiểu biết của bản thân về môi trương tự nhiên của địa phương mình  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Gợi ý một số nội dung**  **a. Mục đích:** HS nắm được các nội dung cần thực hiện trong việc tìm hiểu về môi trường tự nhiên của tỉnh mình.  **b. Nội dung:** Gợi ý một số nội dung  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS tiếp cận cá nội dung nghien cứu  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | 1. **Gợi ý một số nội dung**   **Nội dung 1: Địa hình**  - Đặc điểm chung  -Các dạng địa hình chinh  -Mối quan hệ giữa địa hình với các thành phẩn tự nhiên khác (khi hậu, sông ngòi, đất trồng, sinh vật)  **Nội dung 2: Khí hậu**  -Đặc điềm chung  -Các nét đặc trưng của khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, gió,...)  -Mối quan hệ giữa khí hậu và các thành phần tự nhiên khác (địa hình, sông ngòi, đất trồng, sinh vật)  **Nội dung 3: Sông ngòi**  -Mạng lưới sông ngòi  -Đặc điềm chính của sông ngòi (hướng dòng chảy, mùa lũ - mùa cạn)  -Mối quan hệ giữa sông ngòi với các thành phần tự nhiên khác (địa hình, khi hậu,...)  **Nội dung 4: Đất**  -Các loại đẩt. Đặc điềm chung của đất  -Phân bố đất ở địa phương  -Mối quan hệ giữa đất với các thành phần tự nhiên khác (địa hình, khí hậu, sông ngòi,...)  **Nội dung 5: Sinh vật**  -Hiện trạng thảm thực vật tự nhiên (đặc biệt là độ che phủ)  -Các loài động vật hoang dã  -Mối quan hệ giữa thực vật với động vật, giữa sinh vật với các thành phẩn tự nhiên khác (khí hậu, đất,...) | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Cách thức tiến hành**  **a. Mục đích:** HS biết được cách thức nghiên cứu, tìm hiểu về môi trương ftuwj nhiên của tỉnh.  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Cách thức tiến hành  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: hướng dẫn HS các bước làm như sau.  a)Thành lập nhóm và lựa chọn nội dung  b)Phân công nhiệm VỊI cho các thành viên trong nhóm  c)Xác định thời gian và địa điềm tham quan ớ địa phương  d)Thu thập tài liệu và xứ lí tài liệu  - Thu thập tài liệu qua sách vở, mạng internet, cơ quan quản lí vấn đề ở địa phương.  - Tham quan, tìm hiểu thực tế địa phương.  - Tìm hiểu qua người dân địa phương (phương pháp xã hội học).  - Phân tích, tồng hợp, so sánh các kết quả đã tìm hiểu được.  đ) Viết báo cáo  - Viết báo cáo  Từ các tài liệu đã có, viết báo cáo theo gợi ý (nên viết ngắn gọn, súc tích):  + Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu mồi trường tự nhiên.  + Nêu hiện trạng và nguyên nhân.  + Một số giải pháp.  - Trình bày báo cáo  + Phân công người báo cáo trước lớp.  + Chuẩn bị nội dung kèm theo: tranh ảnh, bảng số liệu, biểu đồ,...  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Cách thức tiến hành** | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Viết báo cáo  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

Ký duyệt

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 46,47- BÀI 27. DÂN SỐ VÀ SỰ PHÂN BỐ**

**DÂN CƯ TRÊN THẾ GIỚI**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Biết được số dàn trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điềm phàn bố dàn cư trên thế giới.

• Đọc được biểu đò quy mô dàn số thế giới.

• Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dàn nhất thế giới

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Người hiện đại đầu tiên xuất hiện cách đày khoáng 40 000 năm. Đến nay, sổ lượng người trên Trái Đất đã lên tới hàng tỉ người và phàn bồ khắp các châu lục (trừ châu Nam Cực).  Em có biết sổ dàn và sự phàn bổ dân cư trên thế giới thay đổi như thế nào không?  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Dân số trên thế gi**  **a. Mục đích:** Hs biết số dân, sự gia dân số thế giới trong những năm gần đây  **b. Nội dung:** Dân số trên thế giới  **c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 1,  em hãy cho biết:  - Số dân thế giới năm 2018.  - Số dân thế giới thay đồi như thế nào qua các năm.    .  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Dân số trên thế giới**   * Năm 2018, thế giới có 7,6 tỉ dân, sống trong hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thồ. * Số dân của các quốc gia rất khác nhau và luôn biến động. | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Phân bố dân cư thế giới**  **a. Mục đích:** HS biết được sự phân bố dân cư trên thế giới là rộng khắp nhưng chưa đồng đều  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Phân bố dân cư thế giới  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS Dựa vào hình 2, em hãy:  - Xác định các khu vực trên thế giới có mật độ dân số trên 250 người/km2 và các khu vực có mật độ dân số dưới 5 người/km2.  - Nêu một số ví dụ cụ thể để thấy điều kiện tự nhiên hoặc kinh tế - xã hội ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư trên thể giới.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Phân bố dân cư thế giới**   * Phân bố dân cư và mật độ dân số thế giới thay đồi theo thời gian và không đều trong không gian * Nơi đông dân: nơi kinh tế phát triền, điều kiện tự nhiên thuận lợi * Nơi thưa dân: các vùng khí hậu khắc nghiệt (băng giá, hoang mạc khô hạ | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.3: Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới**  **a. Mục đích:** HS biết được một số thành phố đông dân trên thế giới  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Dựa vào bản đồ hình 4 và bảng số liệu trang 196, em hãy:  1. Kể tên năm thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018.  2. Cho biết châu lục nào có nhiều siêu đô thị nhất  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3/ Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới**  (**Bảng kiến thức**) | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Bảng kiến thức.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | TÉN THÀNH PHÔ | QUÔC GIA | SÔ DÂN (Triệu người) | | 1 | Tô-ky-ô | Nhật Bản | 37,5 | | 2 | Niu Đê-li | Án Độ | 28,5 | | 3 | Thượng Hải | Trung Quốc | 25,6 | | 4 | Xao Pao-lô | Bra-xin | 21,7 | | 5 | Mê-hi-cô Xi-ti | Mê-hi-cô | 21,6 | | 6 | Cai-rô | Ai Cập | 20,1 | | 7 | Mum-bai | Án Độ | 20,0 | | 8 | Đắc-ca | Băng-la-đét | 19,6 | | 9 | Bắc Kinh | Trung Quốc | 19,6 | | 10 | ồ-xa-ca | Nhật Bàn | 19,3 | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Chọn một trong hai nhiệm vụ sau:  1/ Cho biết sự gia tăng dân số thế giới quá nhanh sẽ dẫn tới những hậu quả gì về đời sống, sản xuất và môi trường.  2/ Dựa vào hình 3 và tìm hiểu thông tin về thành phố Tô-ky-ô, sau đó chia sẻ với các bạn.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**Ký duyệt**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 48,49-BÀI 28. MÔÌ QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI**

**VÀ THIÊN NHIÊN**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Néu được các tác động của thiên nhiên lén hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.

• Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm: Yéu thiên nhiên, thấy được trách nhiệm với thiên nhiên.

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Đời sổng và sản xuất của con người không thể  tách rời thiên nhiên Trái Đất. Thiên nhiên là môi trường sổng của con người, đồng thời thiên nhiên cũng chịu tác động của con người  Bài học này cho chúng ta thấy thiên nhiên tác động đến con người như thế nào và con người tác động lại thiên nhiên ra sao  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Tác động cùa thiên nhiên đến con người**  **a. Mục đích: HS thấy được những tác động tích cực, tiêu cực của thiên nhiên tới con người và hoạt động sản xuất**  **b. Nội dung: Tác động cùa thiên nhiên đến con người**  **c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS**  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **a) Tác động cùa thiên nhiên đến đời sống con người**  Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1,2; em hãy nêu ví dụ về tác động của thiên nhiên đối với đời sống con người.  **b) Tác động của thiên nhiên tới sản xuất**  Dựa vào thông tin trong mục b và các hình 3, 4, 5; em hãy nêu ví dụ về tác động của thiên nhiên tới sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp  hoặc du lịch).  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/Tác động cùa thiên nhiên đến con người**  **a) Tác động cùa thiên nhiên đến đời sống con người**  Trong đời sống hằng ngày, thiên nhiên cung cấp những điều kiện hết sức cần thiết (không khí, ánh sáng, nhiệt độ, nước,...) đề con người có thề tồn tại  **b) Tác động của thiên nhiên tới sản xuất**  *Đối với sản xuất nông nghiệp*  *Đối với sản xuất công nghiệp*  *Đối với giao thông vận tải và du lịch* | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Tác động của con người tới thiên nhiên**  **a. Mục đích:** HS biết được tác động tích cực và tiêu cực cảu con người tới thiên nhiên.  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Tác động của con người tới thiên nhiên  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Tác động của con người tới thiên nhiên  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Tác động của con người tới thiên nhiên**   * Làm suy giảm nguồn tài nguyên. * Làm ô nhiễm môi trường. * Con người ngày càng nhận thức được trách nhiệm của mình với thiên nhiên và đã có những hành động tích cực đề bảo vệ môi trường bằng cách trồng rừng, phủ xanh đồi núi, cải tạo đất, biến những vùng khô cằn, bạc màu thành đồng ruộng phì nhiêu | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS hoàn thành các nội dung sau  1. Theo em, những tác động nào của con người khiến tài nguyên thiên nhiên bị suy thoái.  2.Dựa vào hình 6, 7 và hiểu biết của em, hãy kể tên một số loại rác thải sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp do con người đưa vào môi trường thiên nhiên  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

Ký duyệt

**Ngày soạn:**

**Ngày day:**

**TIẾT 50- BÀI 29. BẢO VỆ TỰ NHIÊN**

**VÀ KHAI THÁC THÔNG MINH CÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

**VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

•Nêu đuọc ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững.

• Thấy được trách nhiệm và có hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh tài nguyên ở địa phương

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS quan sát và đọc lại cuộc thoại sau.      HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Thế nào là phât triển bền vững?**  **a. Mục đích: HS biết dược khái niệm phát triển bền vững.**  **b. Nội dung: Thế nào là phât triển bền vững?**  **c. Sản phẩm: câu trả lời của HS**  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV:  1/ Khái niệm phát triển bền vững.  2/ hãy nêu một số tác động của con người tới thiên nhiên sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau.  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1/ Thế nào là phât triển bền vững?**  KN: Sự phát triển nhằm đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tồn hại đến nhu cầu của các thế hệ tương lai gọi là phát triển bền vững | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên**  **a. Mục đích:** HS biết được  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS đọc thông tin SGK, thảo luận cặp đôi và cho biết:  1. Em hãy cho biết ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh tài nguyên thiên nhiên.  2. Đề bảo vệ môi trường, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?  3. Dựa vào sơ đồ trên và hình 1, em hãy lấy ví dụ cụ thề về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên**   * Ý nghĩa: giữ gìn sự đa dạng sinh học, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường tự nhiên. Nhờ đó, bảo vệ được không gian sống của con người, đảm bảo cho con người tồn tại trong môi trường trong lành, thuận lợi đề phát triền kinh tế, xã hội. * Sử dụng tài nguyên hợp lí, tiết kiệm nhăm hạn chế sự suy giảm tài nguyên cả về số lượng và chất lượng, | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS hoàn thành những nội dung sau.  1/ Em hãy nêu một số việc có thề làm hằng ngày để bảo vệ môi trường.  2. Thu thập thông tin về việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên để phát triền bền vững ở địa phương em.  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

Ký duyệt

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 51: BÀI 30. THỰC HÀNH:**

**TÌM HIỂU MÔÌ QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI**

**VÀ THIÊN NHIÊN Ở ĐỊA PHƯƠNG**

**I. MỤC TIÊU** :

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

• Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ỏ' địa phương.

• Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV:  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1:**  **a. Mục đích:**  **b. Nội dung:**  **c. Sản phẩm:**  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý một số nội dung  Chọn một trong các nội dung sau đây:  a) Nội dung 1: Nguồn lợi tự nhiên ớ địa phương  - Tài nguyên đất  - Tài nguyên sinh vật  - Tài nguyên khoáng sản  - Tài nguyên nước,...  - Vai trò của nguồn lợi tự nhiên với đời sống và sản xuất  b) Nội dung 2: ó nhiễm môi trường  - ô nhiễm không khí  - ô nhiễm nước  - ô nhiễm đất  - Hậu quả và biện pháp khắc phục  c) Nội dung 3: Thiên tai và phòng chống thiên tai  - Các thiên tai: bão, lũ, hạn hán, trượt lở đất, xâm nhập mặn,...  - Các biện pháp phòng chống thiên tai ở địa phương  d) Nội dung 4: Bảo vệ thiên nhiên  - Sử dụng tài nguyên hợp lí  - Cải tạo thiên nhiên: đất, nước, không khí,...  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | **1. Gv gợi ý 1 số nội dung cho các nhóm lựa chọn.**  Sự lựa chọn của các nhóm   * Nhóm 1. Nội dung 3. * Nhóm 2: nội dung 4. * Nhóm 3. Nội dung 1 * Nhóm 4 nội dung 2 | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.2: Cách thức tiến hành**  **a. Mục đích:** HS biết được các bước tiến hành  **b. Nội dung:** Tìm hiểu Cách thức tiến hành  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV a) Thành lập nhóm và lựa chọn nội dung  b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm  c) Xác định thời gian và địa điềm tham quan ớ địa phương  d) Thu thập tài liệu và xứ lí tài liệu  - Thu thập tài liệu qua sách vở, mạng internet, cơ quan quản lí vấn đề ở địa phương.  - Tham quan, tìm hiểu thực tế địa phương.  - Tìm hiểu qua người dân địa phương (phương pháp xã hội học).  - Phân tích, tồng hợp, so sánh các kết quả đã tìm hiểu được.  đ) Viết bào cáo và trình bày  - Viết báo cáo: Từ các tài liệu đã có, viết báo cáo theo gợi ý (nên viết ngắn gọn, súc tích):  + Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu môi trường.  + Nêu hiện trạng và nguyên nhân.  + Một số giải pháp.  - Trình bày báo cáo  + Phân công người báo cáo trước lớp.  + Chuẩn bị nội dung kèm theo: tranh ảnh, bảng số liệu, biểu đồ,...  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **2/ Cách thức tiến hành**  **(HS làm báo cáo)** | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 2.3:**  **a. Mục đích:** HS biết được  **b. Nội dung:** Tìm hiểu  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **3.** | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập.**  **a. Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học  **b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.  HS: lắng nghe | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | | GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS tiếp tục làm báo cáo  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

Ngày soạn: .........................................

Ngày dạy:................................................................................................................

**Tiết 25: Ôn tập kì I**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**:

*Yêu cầu cần đạt:*

**1. Kiến thức**:

- Cấu tạo bên trong TĐ

- Núi lửa động đất

- Quá trình nội sinh, ngoại sinh

- Các dạng địa hình trên TĐ

- Lớp vỏ khí, khí áp và gió

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Học liệu: sgk, sách thiết kế địa lí 6 tập 1, quả địa cầu.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Sách giáo khoa, compa. máy tính

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Mở đầu**  **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **b. Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Kể tên các nội dung kiến thức đã học  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  HS: Lắng nghe, vào bài mới | |
| **Hoạt động 2. Luyện tập** |
| **Hoạt động 2.1: học sinh làm các bài tập để củng cố kiến thức**  **a. Mục đích:** HS hoàn thành nội dung các bảng nhằm ôn lại kiến thức  **b. Nội dung:** Tìm hiểu về Hệ thống kiến thức bằng hệ thống bảng  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập sau  **Nhóm 1**  Câu 1. Nêu cấu tạo bên trong TĐ? Đặc điểm  Câu 2 .Thế nào là quá trình nội sinh, ngoại sinh.  Nhóm 2  Câu 3: Thế nào là núi lửa , động đất  Câu 4: Các dạng địa hình trên bề mặt TĐ? Đặc điểm  Nhóm 3:  Câu 5: Thành phần của không khí? Vai trò của hơi nước  Câu 6: Lớp vỏ khí chia thành mấy tầng? Đặc điểm các tầng khí quyển  Nhóm 4:  Câu 7: Thế nào là khí áp? Sự phân bố các đai khí áp?  Câu 8: Thế náo là gió? Nêu tên, đặc điểm các loại gió  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài |
| **Hoạt động 2.2: HS làm 1 số bài tập**  **a. Mục đích:** HS hoàn thành các bài tập  **b. Nội dung:** Tìm hiểu HS làm 1 số bài tập  **c. Sản phẩm:** bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -Vẽ hình mô tả cấu tạo bên trong Trái Đất  - Vẽ hình các đai khí áp và gió trên TĐ  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | 2/ HS làm 1 số bài tập | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Làm BT trên bảng  GV: Theo dõi, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe | |
| **Hoạt động 3. Vận dụng**  **a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay  **b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức  **c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Sưu tầm các câu ca dao tục ngữ liên quan đến thời tiết, khí hậu của Việt Nam  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ |  | | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Chuẩn kiến thức  HS: Lắng nghe và ghi nhớ. | |

**KÝ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**Ngày tháng năm 2024**

**TTCM**

**Nguyễn Duy Tuyến**

Ngày soạn: ........................................

Ngày dạy:.............................................................................................

**Tiết 26 :KIỂM TRA ĐỊA LÍ CUỐI HỌC KÌ I**

**I.Mục tiêu .**

Sau bài học ,HS đạt được :

**1. Kiến thức**

- Đánh giá một cách chính xác giá mức độ hiểu và nắm vững các kiến thức đã học về tự nhiên và dân cư, xã hội châu Á của HS qua bài kiểm tra.

- Qua bài kiểm tra nhằm đánh giá chất lượng học bài của từng em học sinh , thấy

được những điểm mạnh, điểm yếu của từng em trên cơ sở đó giáo viên tiếp tục

cải tiến phương pháp giảng dạy ,đồng thời giáo dục rèn luyện kỹ năng tư duy so sánh.

- Qua giờ kiểm tra nhằm đánh giá mức độ hiểu và nắm vững các kiến thức đã học ở học kì 1 . Kịp thời bổ sung những tồn tại do các em mắc phải

**2. Năng lực**

**-**Năng lực địa lí (phân tích, tư duy, tự luận 1 vấn đề) thông qua thực tế bài kiểm tra

**3.Phẩm chất**

-Giáo dục cho học sinh có ý thức tự giác, trung thực và nghiêm túc trong khi làm bài.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

## 1. Chuẩn bị của HS

- Đồ dùng học tập: giấy KT, bút, thước..

## 2. Chuẩn bị của GV

**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chủ đề/Nội dung | **Yêu cầu về nhận thức** | | | | **Yêu cầu về năng lực** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **PHẦN ĐỊA LÍ** | | | | | |
| Chủ đề 1: Bản đồ - phương tiện thể hiện bề mặt Trái đất | Biết được các loại kí hiệu bản đồ |  |  | Áp dụng tính khoảng cách trên bản đồ | - Nhận thức khoa học địa lí  - Tìm hiểu địa lí  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. |
| *TSĐ: 0,5đ*  *Tỉ lệ: 5%* | *TN: 1 câu*  *(0,25đ)* |  |  | *TN: 1 câu*  *(0,25đ)* |  |
| Chủ đề 2: Trái đất – hành tinh của hệ Mặt trời | Biết được hình dạng của Trái đất. |  | Tính giờ dựa của Việt Nam dựa vào khu vực giờ gốc |  | - Nhận thức khoa học địa lí  - Tìm hiểu địa lí  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. |
| *TSĐ: 0,5 đ*  *Tỉ lệ: 5%* | *TN:1câu*  *(0,25đ)* |  | *TN:1câu*  *(0,25đ)* |  |  |
| Chủ đề 3: Cấu tạo của vỏ Trái đất. Vỏ Trái đất. | Phân biệt được các dạng địa hình trên Trái đất.  Trình bày được cấu tạo bên trong của Trái đất.  Trình bày được hiện tượng động đất và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này | Xác định được sự khác nhau cơ bản giữa cao nguyên và bình nguyên.  Biết tìm kiếm thông tin về hậu quả của thảm họa động đất.  Phân biệt và sắp xếp được các loại khoáng sản. | Kết nối kiến thức đã học với kiến thức thực tế ở nước ta.  Biết cách ứng phó khi có động đất. | Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản. | - Nhận thức khoa học địa lí  - Tìm hiểu địa lí  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. |
| *TSĐ: 3,5đ*  *Tỉ lệ: 35%* | *TN:2câu,TL:1/3câu*  *(1đ)* | *TN:1câu,TL:5/6câu*  *(1,5đ)* | *TN:1câu,TL:1/3câu*  *(0,5đ)* | *TL: 1/2câu*  *(0,5đ)* |  |
| Lớp vỏ của Trái đất. Khí áp và gió. | Kể được các tầng của khí quyển | Xác định vị trí và vai trò của lớp ô - dôn |  |  | - Nhận thức khoa học địa lí  - Tìm hiểu địa lí |
| *TSĐ: 0,5đ*  *Tỉ lệ: 5%* | *TL: ½ câu*  *(0,25đ)* | *TL: ½ câu*  *(0,25đ)* |  |  |  |
| *Tổng*  *Số điểm: 5*  *Tỉ lệ: 50 %* | *1,75 đ*  *17,5%* | *1,75 đ*  *17,5%* | *1,5 đ*  *15%* | |  |

**B. NỘI DUNG KIỂM TRA**

**Phần I. Trắc nghiệm: *( 4,0 điểm )***

Hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất:

**Câu 1**. Đặc điểm khác nhau cơ bản của cao nguyên so với bình nguyên ?

A. Rộng lớn. C. Sườn dốc, độ cao tuyệt đối trên 500m.

B. Bề mặt tương đối bằng phẳng . D. Thuận lợi trồng trọt và chăn nuôi.

**Câu 2.** Có mấy loại kí hiệu bản đồ thường được sử dụng?

A. 3 loại.  B. 4 loại. C.5 loại. D. 6 loại.

**Câu 3.** Bản đồ có tỉ lệ 1: 6.000.000, cho biết 5cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa?

A. 30 km. B. 300 km. C. 3000 km. D.30.000km.

**Câu 4.** Trái đất có dạng hình gì?

A.Là một mặt phẳng.  B. Hình tròn.  C. Hình cầu. D. Hình vuông.

**Câu 5.** Ở Luân Đôn, đồng hồ chỉ 15 giờ 30 phút vậy lúc đó ở Việt Nam là bao nhiêu giờ?

A. 8 giờ 35 phút .  B. 10 giờ.  C. 10 giờ 30 phút.  D. 22 giờ 30 phút.

**Câu 6.** Đất đỏ ba dan màu mỡ được hình thành do quá trình phong hóa các sản phẩm phun trào của núi lửa thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp ( cà phê, cao su...) tập trung ở khu vực nào ở nước ta?

A. Miền núi Tây Bắc.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đồng bằng sông Hồng .

D. Tây Nguyên.

**Câu 7.** Trạng thái của lớp vỏ Trái Đất là:

A. lỏng. C. từ quánh dẻo đến rắn.

B. rắn. D. lỏng đến rắn.

**Câu 8.** Núi là dạng địa hình thường có độ cao so với mực nước biển là:

A. trên 200m. C . dưới 500m.

B. dưới 200m. D . trên 500m.

**Phần II. Tự luận *( 3,0 điểm )***

**Câu 1:** *(1,5 điểm)* Quan sát đoạn thông tin sau :

*Vào lúc 11 giờ 58 phút 32 giây giờ địa phương ngày 1 tháng 9 năm 1923, một trận động đất mạnh 7,9 độ Rich - te đã xảy ra ở vị trí 35,1 vĩ độ Bắc - 139,5 kinh độ Đông, dưới đáy biển, cách bờ vịnh Sagami (tỉnh Kanagaoa – Nhật Bản) khoảng 80 km về phía Tây Bắc.*

*(Trích nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Đại\_thảm\_họa\_động\_đất\_Kantō\_1923)*

Hãy cho biết :

- Đoạn thông tin trên nói về thảm họa gì ? Nêu khái niệm, nguyên nhân, hậu quả của thảm họa đó ?

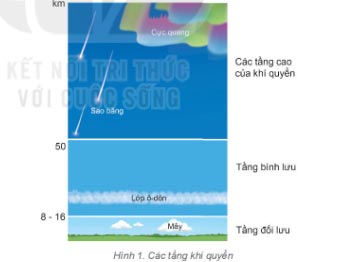
- Khi gặp thảm họa đó xảy ra, em sẽ làm gì để bảo vệ mình?

**Câu 2 :** *( 1 điểm)*

a,Sắp xếp các loại khoáng sản sau vào ba nhóm sao cho đúng : vàng, nước khoáng, kim cương, than bùn, khí thiên nhiên, cao lanh, ni – ken, phốt phát, bô – xít.

b, Tại sao phải khai thác và sử dụng các loại khoáng sản hợp lí và tiết kiệm?

**Câu 3:** *(0,5 điểm)* Quan sát hình các tầng khí quyển hãy cho biết: Khí quyển gồm các tầng nào? Lớp ô –dôn nằm ở tầng nào? Vai trò của lớp ô – dôn đối với sự sống trên Trái đất?



**C. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I.Trắc nghiệm *(4,0 điểm)***

*- Mỗi ý đúng 0,25điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | **B** | **B** | **D** | **D** | **B** | **D** | **C** | **A** | **C** | **A** | **B** | **C** | **D** | **A** | **B** | **D** |

**Phần II.Tự luận (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Điểm** |
| **Phần Địa lí** | | |
| **1**  (1,5điểm) | - Thảm họa động đất.  - Động đất là các rung chuyển đột ngột, mạnh mẽ của vỏ Trái đất.  - Nguyên nhân sinh ra động đất chủ yếu do hoạt động của núi lửa, sự dịch chuyển của các mảng kiến tạo hoặc sự đứt gãy trong vỏ Trái đất gây ra.  - Hậu quả:  + Đổ nhà cửa, các công trình xây dựng, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.  + Có thể gây nên lở đất, biến dạng đáy biển, làm phát sinh sóng thần khi xảy ra ở biển.  - Những hành động đúng khi động đất xảy ra: Chui xuống gầm bàn, không đi thang máy, không lái xe , chú ý bảo vệ đầu ... | 0,25điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **2**  (1điểm) | **a,Sắp xếp các loại khoáng sản sau vào ba nhóm**  - Khoáng sản năng lượng: than bùn , khí tự nhiên.  - Khoáng sản kim loại: niken, bô xít, vàng.  - Khoáng sản phi kim loại: nước khoáng, kim cương, cao lanh, phốt phát.  **b,**  - Khoáng sản là những tích tụ  tự nhiên của khoáng vật và đá có ích, được con người khai thác và sử dụng. Đó là những khoáng sản được hình thành trong một thời gian dài hàng vạn, hàng triệu năm nên rất quý. => Vì vậy, chúng ta phải biết khai thác hợp lí, tránh lãng phí khoáng sản. - Khoáng sản chỉ có một khối lượng nhất định không phải vô hạn. Do đó nếu khai thác bừa bãi, lãng phí thì khoáng sản nhanh chóng cạn kiệt. | 0,5điểm  0,25điểm  0,25điểm |
| **3**  (0,5điểm) | - Khí quyển gồm 3 tầng: tầng đối lưu, tầng bình lưu và các tầng cao.  - Lớp ô –dôn nằm ở tầng bình lưu , có vai trò rất quan trọng: giúp hấp thụ phần lớn bức xạ cực tím, bảo vệ sự sống trên Trái đất. | 0,25điểm  0,25điểm |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

- Gv phát đề kiểm tra

- GV coi kiểm tra, học sinh làm bài

- Hết 45 phút GV thu bài

- Gv nhận xét đánh giá giờ KT

**KÝ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**Ngày tháng năm 2024**

**TTCM**

**Nguyễn Duy Tuyến**